TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ GIAO THÔNG VẬN TẢI

PHÒNG KHẢO THÍ VÀ ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ HỌC TẬP LỚP 66DCMX23
HỌC KỲ 2 - NĂM HỌC 2017-2018

STT	HỌC PHẦNSINH VIÊN .				DC2CB97_Dao động kỹ thuật (2)		DC2CK52_Đồ án Chi tiết máy (1)		DC3CK72_Đồ án Động cơ đốt trong (2)		DC4MX13_Thực hành thí nghiệm thủy - khí (2)		DC4CK13_Thực tập Động cơ đốt trong (3)		DC4CK11_Thực tập Nhập môn cơ khí (4)		DC1LL03_Tư tưởng Hồ Chí Minh (2)																		Tổng số HP thi lại	Tiền thi lại
	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ																		1,695,000
1	66DCMX23067	TRẦN ĐÌNH	AN	03/10/1997	|1.9	F	|0.0	F	|0.0	F	|6.6	C+	|6.6	C+	|6.4	C+	|0.0	F																	4	60,000
2	66DCMX22297	HOÀNG MINH	CHIẾN	18/07/1997	|2.2	F	|0.0	F	|1.8	F	|8.0	B+	|7.3	B	|6.1	C+	|0.0	F																	4	60,000
3	66DCMX22274	NGUYỄN VĂN	CHIẾN	18/06/1997	|2.4	F	|7.0	B	|7.6	B	|8.3	B+	|8.3	B+	|6.4	C+	|7.0	B																	1	15,000
4	66DCMX22713	LÊ MINH	CẦM	25/04/1997	|2.2	F					|8.0	B+	|8.0	B+	|6.4	C+	|6.1	C+																	1	15,000
5	66DCMX22572	NGUYỄN VĂN	DŨNG	13/09/1997	|5.0	D+					|7.6	B	|6.9	C+	|6.7	C+	|6.7	C+																		
6	66DCMX22833	NGUYỄN VĂN	DUY	05/02/1996	|7.3	B					|9.0	A	|8.7	A	|6.1	C+	|6.4	C+																		
7	66DCMX23209	PHAN TẤT	DƯƠNG	10/02/1997																																
8	66DCMX22796	TRẦN TRỌNG	ĐAM	20/04/1997	|3.6	F	|0.0	F	|2.8	F	|7.6	B	|7.3	B	|6.5	C+	|4.6	D																	3	45,000
9	66DCMX22798	ĐỖ MẠNH	ĐỨC	29/12/1996																																
10	66DCMX22408	NGUYỄN TRỌNG	ĐỨC	03/08/1996	|0.0	F	|0.0	F	|0.0	F							|0.0	F																	4	60,000
11	66DCMX22266	TRẦN TRUNG	ĐỨC	22/05/1997																																
12	66DCMX22930	LÊ VĂN	ĐOÀN	08/11/1997	|0.0	F	|0.0	F	|0.0	F							|0.0	F																	4	60,000
13	66DCMX22540	ĐỖ NGỌC THÀNH	ĐÔ	14/07/1997	|5.2	D+	|0.0	F	|7.0	B	|8.7	A	|8.0	B+	|6.1	C+	|2.1	F																	2	30,000
14	66DCMX22875	NGUYỄN VĂN	ĐẠT	10/10/1997	|0.0	F	|0.0	F	|0.0	F							|1.6	F																	4	60,000
15	66DCMX23179	PHẠM XUÂN	ĐẠT	02/05/1997	|3.4	F	|0.0	F	|1.8	F	|8.3	B+	|7.3	B	|6.1	C+	|5.5	C																	3	45,000
16	66DCMX22471	PHÙNG TRỌNG	ĐẠT	12/07/1997																																
17	66DCMX22564	TRIỆU QUỐC	ĐẠT	23/03/1997	|2.9	F	|0.0	F	|1.8	F	|6.6	C+	|6.6	C+	|6.7	C+	|0.0	F																	4	60,000
18	66DCMX22882	NGUYỄN ĐỨC	GIANG	20/08/1997	|3.6	F	|3.4	F	|2.8	F	|8.0	B+	|7.3	B	|6.1	C+	|6.8	C+																	3	45,000
19	66DCMX22783	VŨ TRƯỜNG	GIANG	01/11/1997	|5.0	D+	|7.6	B	|7.6	B	|8.0	B+	|6.6	C+	|6.1	C+	|6.5	C+																		
20	66DCMX22277	NINH QUANG	HÀ	11/01/1997	|2.2	F	|7.0	B	|7.3	B	|9.0	A	|6.9	C+	|6.1	C+	|6.0	C+																	1	15,000
21	66DCMX23140	TĂNG ĐỨC	HẢI	25/11/1997	|4.0	D	|0.0	F	|2.8	F	|8.3	B+	|7.6	B	|6.9	C+	|6.5	C+																	2	30,000
22	66DCMX22917	NGUYỄN VĂN	HỘI	26/12/1997	|2.9	F	|5.2	D+	|5.6	C	|8.0	B+	|6.9	C+	|6.6	C+	|6.3	C+																	1	15,000
23	66DCMX22776	VŨ VĂN	HINH	01/05/1997	|5.2	D+			|7.3	B	|8.7	A	|8.3	B+	|6.6	C+	|7.8	B																		
24	66DCMX22562	BÙI TRỌNG	HIẾU	06/11/1997	|0.0	F	|0.0	F	|0.0	F							|1.4	F																	4	60,000
25	66DCMX22409	NGUYỄN VĂN	HIẾU	10/01/1997	|2.4	F	|0.0	F	|1.8	F	|6.3	C+	|8.0	B+			|0.0	F																	4	60,000
26	66DCMX22530	NGUYỄN VĂN	HOÀN	19/11/1997	|2.9	F	|2.8	F	|7.0	B	|9.0	A	|6.6	C+	|5.9	C	|4.9	D																	2	30,000
27	66DCMX22268	LƯU MẠNH	HÙNG	29/10/1997	|6.1	C+	|7.0	B			|6.9	C+	|7.3	B	|6.1	C+	|6.6	C+																		
28	66DCMX22596	NGUYỄN VĂN	HÙNG	04/01/1997																																
29	66DCMX22386	ĐINH THANH	HUY	17/02/1997	|6.8	C+	|0.0	F	|7.6	B	|9.0	A	|8.0	B+	|6.4	C+	|6.4	C+																	1	15,000
30	66DCMX22506	NGUYỄN MINH	HUY	13/08/1997	|4.5	D	|0.0	F	|7.3	B	|9.0	A	|9.0	A	|6.4	C+	|6.7	C+																	1	15,000
31	66DCMX22601	TRỊNH NGỌC	HUY	23/03/1997	|6.8	C+					|9.0	A	|8.3	B+	|6.5	C+	|7.4	B																		

STT	HỌC PHẦNSINH VIÊN .			DC2CB97_Dao động kỹ thuật (2)		DC2CK52_Đồ án Chi tiết máy (1)		DC3CK72_Đồ án Động cơ đốt trong (2)		DC4MX13_Thực hành thí nghiệm thủy - khí (2)		DC4CK13_Thực tập Động cơ đốt trong (3)		DC4CK11_Thực tập Nhập môn cơ khí (4)		DC1LL03_Tư tưởng Hồ Chí Minh (2)																				Tổng số HP thi lại	Tiền thi lại
	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ																				1,695,000
32	66DCMX22490	NGÔ TRUNG KIÊN	18/06/1997	|4.3	D	|5.2	D+	|7.6	B	|8.7	A	|8.0	B+	|6.1	C+	|6.5	C+																				
33	66DCMX22273	BÙI VĂN CHÂU LONG	06/02/1997	|5.6	C	|0.0	F	|2.1	F	|8.0	B+	|6.9	C+	|6.1	C+	|5.1	D+																			2	30,000
34	66DCMX22412	NGUYỄN XUÂN MẠNH	13/10/1997	|2.4	F	|6.6	C+	|6.6	C+	|8.3	B+	|9.0	A	|6.4	C+	|7.5	B																			1	15,000
35	66DCMX22290	PHẠM HÙNG MẠNH	23/09/1997	|2.2	F	|0.0	F	|2.1	F	|7.3	B	|7.3	B	|6.4	C+	|1.4	F																			4	60,000
36	66DCMX22458	NGUYỄN HỮU NAM	27/03/1997																																
37	66DCMX22684	NGUYỄN XUÂN NAM	12/06/1997	|6.8	C+	|0.0	F	|7.0	B	|9.0	A	|8.3	B+	|6.4	C+	|8.6	A																			1	15,000
38	66DCMX22941	LÊ ANH NGỌ	09/01/1995																																
39	66DCMX23107	HOÀNG VĂN NGỌC	24/08/1995	|5.9	C	|0.0	F	|6.7	C+	|8.3	B+	|8.3	B+	|7.1	B	|7.1	B																			1	15,000
40	66DCMX22256	VÕ VĂN NGHIÊM	10/04/1997																																
41	66DCMX23168	TRẦN VĂN PHÁP	20/09/1997	|2.9	F					|8.3	B+	|8.3	B+	|5.9	C	|6.8	C+																			1	15,000
42	66DCMX22309	NGÔ HỮU PHÚ	31/10/1997																																
43	66DCMX22850	ĐỖ MẠNH QUANG	24/02/1997	|4.3	D	|0.0	F	|6.6	C+	|8.0	B+	|8.0	B+	|6.4	C+	|6.1	C+																			1	15,000
44	66DCMX22590	NGUYỄN ĐÌNH QUANG	07/04/1997	|3.6	F	|0.0	F	|0.0	F	|7.3	B	|7.3	B	|6.7	C+	|0.0	F																			4	60,000
45	66DCMX22921	NGUYỄN KHẮC QUÂN	08/04/1997																																
46	66DCMX22343	ĐINH ĐỨC TÀI	01/06/1997	|4.8	D	|5.9	C	|5.6	C	|8.0	B+	|6.9	C+	|6.4	C+	|6.6	C+																				
47	66DCMX23253	PHẠM VĂN TÀI	01/10/1996	|4.0	D	|0.0	F	|2.1	F	|7.3	B	|7.3	B	|5.8	C	|2.0	F																			3	45,000
48	66DCMX22797	TRẦN VĂN THỌ	18/06/1997	|0.8	F	|0.0	F	|0.0	F							|0.0	F																			4	60,000
49	66DCMX22391	NGUYỄN ĐĂNG THANH	10/07/1997	|2.9	F	|0.0	F	|6.6	C+	|8.0	B+	|6.6	C+	|5.9	C	|6.4	C+																			2	30,000
50	66DCMX22906	LƯU QUANG THÀNH	23/10/1997	|2.0	F	|0.0	F	|7.3	B	|8.7	A	|6.9	C+	|6.7	C+	|6.5	C+																			2	30,000
51	66DCMX22477	VŨ ĐÌNH THÀNH	25/12/1996	|6.4	C+	|0.0	F	|8.3	B+	|9.0	A	|9.0	A	|6.1	C+	|6.9	C+																			1	15,000
52	66DCMX23216	PHÙNG QUANG THIỆN	03/11/1997	|5.0	D+	|6.9	C+	|7.6	B	|7.6	B	|7.6	B	|6.4	C+	|5.5	C																				